

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGÔ QUYỀN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 112/2023/HS-ST
Ngày 24-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Hảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hà Thị Mão

Bà Nguyễn Thị Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Nhật H - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 75/2023/TLST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2023/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2023, Thông báo bổ sung người tham gia tố tụng trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2023/TB-TA ngày 30 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 202/2023/HSST-QĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Đình K, sinh ngày 04 tháng 5 năm 1992 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Đường P, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn Khải và bà Phạm Thị Khuyên; bị cáo có vợ là Bùi Thị Thu và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 21/12/2022, đến ngày 27/12/2022 áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Đỗ Thanh B, sinh ngày 29 tháng 5 năm 1996 tại Hải Phòng. Nơi ĐKKTTT: Thôn Đ, xã L, huyện V, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Đường T, phường H, quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch:

Việt Nam; con ông Đỗ Văn Khải và bà Phạm Thị Khuyên; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị H và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 21/12/2022, đến ngày 27/12/2022 áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Chị Phạm Thị Phương T, sinh năm 1988; nơi ĐKKHKT: Đường L, phường H, quận L, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Đường N, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Anh Lê Hồng L, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thanh H, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Anh Trần Trung N, sinh năm 1992; nơi cư trú: Đường N, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Chị Lê Thị Mỹ D, sinh năm 1981; nơi cư trú: Đường Đ, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Chị Trần Thị Phương T1, sinh năm 1976; nơi cư trú: Đường T, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Anh Trần Ngọc T2, sinh năm 1972; nơi cư trú: Phường T, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Chị Đặng Thị D1, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn Đ, xã D, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1980; nơi cư trú: Đường C, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Anh Phạm Trung Đ, sinh năm 2004; nơi ĐKKHKT: Phường N, quận K, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Đường N, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Xuân T3, sinh năm 1985; nơi ĐKKHKT: Khu T, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; nơi tạm trú: Đường T, phường H, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Anh Vũ Đức N1, sinh năm 1998; nơi ĐKKHKT: Tổ Đ, thị trấn M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, nơi tạm trú: Đường T, phường H, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI D V U Á N:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 21/12/2022, Tổ công tác Đội Cảnh sát Hình sự - Công an quận Ngô Quyền bắt quả tang Phạm Trung Đ đang thu tiền cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự dưới hình thức vay họ góp của anh Trần Trung N tại nhà số 17/37 đường Nguyễn B, phường Đồng Quốc B, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, thu giữ vật chứng là số tiền 200.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus (niêm phong mẫu A2).

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Trung Đ khai: Đ được Đỗ Thanh B thuê làm nhân viên đi thu tiền họ góp của khách vay. Cùng làm thuê cho B còn có Nguyễn Xuân T3 và Vũ Đức N1.

Cơ quan điều tra đã ra Lệnh giữ người trong T3 hợp khẩn cấp đối với Đỗ Thanh B, triệu tập Nguyễn Xuân T3, Vũ Đức N1 đến Cơ quan điều tra làm việc và thu giữ vật chứng gồm:

- 01 điện thoại di động Iphone X màu trắng Imei số 356738086167355 của Đỗ Thanh B (niêm phong mẫu A4).

- 01 điện thoại Iphone 11 Promax màu xanh Imei số 353894106926198 (niêm phong mẫu A1); 01 điện thoại Iphone X màu trắng imei số 354872096039494 của Nguyễn Xuân T3 (niêm phong mẫu A6).

- 01 máy tính bảng Galaxy Tab A7 Lite màu xám, nhãn hiệu Samsung đã qua sử dụng của Vũ Đ N1 (niêm phong mẫu A7).

Tại Cơ quan điều tra, B khai nhận: Từ tháng 7/2022, B làm thuê thu họ góp cho anh trai là Đỗ Đình K.

Cơ quan điều tra ra Lệnh giữ người trong T3 hợp khẩn cấp đối với Đỗ Đình K, tiến hành khám xét nơi ở của Đỗ Đình K tại số 3/19/81 đường Phạm Hữu Điều, phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng thu giữ:

- 01 case máy tính nhãn hiệu XTECH màu đen

- 01 màn hình máy tính nhãn hiệu Samsung.

- Số tiền 105.000.000 đồng.

- 01 đăng ký xe ô tô BKS: 89C-121.14; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện và 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô BKS: 89C-121.14

- 01 đăng ký xe mô tô BKS: 15B2-677.28

- 03 điện thoại: 01 điện thoại Iphone 13 Pro màu vàng, imei số 359663605858101 (niêm phong mẫu A5); 01 điện thoại Iphone 11 Pro màu trắng, imei số 353232107384655 (niêm phong mẫu A3); 01 điện thoại Iphone 11 Pro

Max màu xanh lá cây của Bùi Thị Thu (sinh năm 1992, nơi cư trú: Số 3/19/81 đường Phạm Hữu Điều, phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng) là vợ K.

Tại bản kết luận giám định số 159/KL-KTHS(KTS) ngày 03/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng, kèm theo là đĩa CD chứa nội D dữ liệu điện tử được trích xuất từ 06 điện thoại và 01 máy tính bảng Galaxy đã thu giữ nêu trên phù hợp với các nội D trên trang Mecash Cơ quan điều tra đã thu thập, có xác nhận của B, K.

Tại Cơ quan điều tra, các đối tượng khai nhận:

Từ khoảng tháng 6/2022, Đỗ Đình K cho vay họ góp (cho vay lãi nặng) trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Sau đó, K mua tài khoản phần mềm Mecash trên mạng Internet để quản lý thông tin khách vay họ góp, hình thức vay, số tiền vay và tạo tài khoản mang tên “Tramanh999” để quản lý khách vay. Từ tháng 7/2022, K thuê em trai là Đỗ Thanh B cùng quản lý khách vay bằng tài khoản “Tramanh999” trên phần mềm Mecash và thu tiền họ góp với tiền lương là 10.000.000 đồng/tháng cùng tiền thưởng tháng là 10.000.000 đồng/tháng. Để có nhiều khách biết đến việc cho vay họ góp, B đăng bài quảng cáo trên mạng xã hội, dán tờ rơi có đăng kèm số điện thoại của B là 0936553552, số điện thoại của K là 0936683684 để khách vay liên lạc. Khi có khách liên lạc, K sẽ tư vấn gói vay, lấy thông tin cá nhân và chỉ đạo người đi kiểm tra thông tin của người vay rồi mới cho vay.

Ngoài việc quản lý khách, thu tiền họ góp, B còn làm vay các bát họ mới, đáo hạn bát họ cho khách. B thuê Phạm Trung Đ, Nguyễn Xuân T3, Vũ Đ N1 làm nhân viên thực hiện kiểm tra thông tin người vay, đơn đốc trả nợ, thu tiền từng khách. Đ, Trường và N1 được trả lương từ 3.000.000 - 6.000.000 đồng/tháng. Đối với khách trả tiền mặt thì B, Đ, T3, N1 trực tiếp đi thu tiền. Đối với khách trả tiền chuyển khoản thì chuyển tiền vào tài khoản số 0985568589 ngân hàng MBBank hoặc tài khoản số 0031000354790 ngân hàng Vietcombank mang tên Bùi Thị Thu (là vợ của K) do K quản lý, sử dụng.

Tài liệu trích xuất dữ liệu tài khoản “Tramanh999” trong phần mềm Mecash thể hiện K, B đã cho nhiều người vay lãi nặng dưới hình thức cho vay họ góp với lãi suất từ 152,08%/năm đến 521,43%/năm.

Tài liệu điều tra đủ căn cứ xác định 10 người vay lãi nặng với tổng số tiền là 1.205.000.000 đồng. Số tiền gốc đã thu về là 1.026.791.000 đồng, số tiền những người vay còn nợ lại là 178.209.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu là 205.359.000 đồng, trong đó tiền lãi vượt quy định của Bộ luật Dân sự (thu lợi bất chính) là 190.692.581 đồng, cụ thể:

1. Ngày 16/11/2022, chị Phạm Thị Phương T vay bát họ 10.000.000 đồng trong 40 ngày, mỗi ngày trả gốc và lãi là 300.000 đồng, tương đương lãi suất

182,5%/năm. Chị Thảo trả 31 ngày. Đến ngày 16/12/2022, chị Thảo đáo hạn bát họ cũ, đáo bát họ mới, chuyển sang khoản vay bát họ thứ hai với số tiền là 10.000.000 đồng cũng với hình thức vay như trên. Chị Thảo đã trả 05 ngày. Như vậy, tổng số tiền chị Thảo đã vay 02 lần liên tiếp là 20.000.000 đồng, với lãi suất 182,5%/năm và 235,48%/năm. Đến ngày 21/12/2022, tổng số tiền chị Thảo đã trả là 13.500.000 đồng, gồm: số tiền gốc đã trả là 11.250.000 đồng, số tiền lãi là 2.250.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 2.052.740 đồng, tiền gốc còn nợ là 8.750.000 đồng.

2. Ngày 04/9/2022, anh Lê Hồng L vay bát họ 30.000.000 đồng trong 48 ngày, mỗi ngày trả gốc và lãi là 750.000 đồng, tương đương lãi suất 152,08%/năm. Đến ngày 27/9/2022, anh L đáo hạn bát họ cũ, vay bát họ mới 40.000.000 đồng trong 48 ngày, mỗi ngày trả gốc và lãi là 1.000.000 đồng, tương đương lãi suất 152,08%/năm. Anh L đã đáo bát họ này 05 lần và lần cuối cùng vay vào ngày 20/12/2022, anh L đã trả 01 ngày. Như vậy, tổng số tiền anh L đã vay 06 lần liên tiếp là 230.000.000 đồng, với lãi suất từ 152,08%/năm đến 304,17%/năm. Đến ngày 21/12/2022, tổng số tiền anh L đã trả là 229.000.000 đồng, gồm: số tiền gốc đã trả là 190.833.333 đồng, số tiền lãi là 38.167.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 35.821.461 đồng, tiền gốc còn nợ là 39.166.667 đồng.

3. Ngày 28/10/2022, chị Nguyễn Thanh H vay bát họ 50.000.000 đồng trong 30 ngày, mỗi ngày trả gốc và lãi là 2.000.000 đồng, tương đương lãi suất 243,33%/năm. Chị H đã đáo bát họ này 04 lần và lần cuối cùng vay vào ngày 19/12/2022, chị H đã trả 02 ngày. Như vậy, tổng số tiền chị H đã vay 04 lần liên tiếp là 200.000.000 đồng, với lãi suất từ 243,33%/năm đến 456,25%/năm. Đến ngày 21/12/2022, tổng số tiền chị H đã trả là 184.000.000 đồng, gồm: số tiền gốc đã trả là 153.333.333 đồng, số tiền lãi là 30.666.667 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 29.105.023 đồng, tiền gốc còn nợ là 46.666.667 đồng.

4. Ngày 06/12/2022, anh Trần Trung N vay bát họ 5.000.000 đồng trong 30 ngày, mỗi ngày trả gốc và lãi là 200.000 đồng, tương đương lãi suất 243,33%/năm. Đến ngày 21/12/2022, anh N đã trả 15 ngày với tổng số tiền đã trả là 3.000.000 đồng, gồm: số tiền gốc đã trả là 2.500.000 đồng, số tiền lãi là 500.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 458.904 đồng, tiền gốc còn nợ là 2.500.000 đồng.

5. Ngày 20/8/2022, chị Lê Thị Mỹ D vay bát họ 10.000.000 đồng trong 40 ngày, mỗi ngày trả gốc và lãi là 300.000 đồng, tương đương lãi suất 182,5%/năm. Chị D đã đáo bát họ này 05 lần và lần cuối cùng vay vào ngày 28/11/2022, chị D đã trả 23 ngày. Như vậy, tổng số tiền chị D đã vay 04 lần liên tiếp là 40.000.000 đồng, với lãi suất từ 182,5%/năm đến 347,62%/năm. Đến ngày 21/12/2022, tổng số tiền chị D đã trả là 42.900.000 đồng, gồm số tiền gốc đã trả là 35.750.000 đồng, số tiền lãi là 7.150.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 6.470.548 đồng, tiền gốc còn nợ là 4.250.000 đồng.

6. Ngày 15/6/2022, chị Trần Thị Phương T1 vay bất hộ 20.000.000 đồng trong 40 ngày, mỗi ngày trả gốc và lãi là 600.000 đồng, tương đương lãi suất 182,5%/năm. Chị Thảo đã đảo bất hộ này 09 lần và lần cuối cùng vay vào ngày 03/12/2022, chị Thảo đã trả 19 ngày. Như vậy, tổng số tiền chị Thảo đã vay 09 lần liên tiếp là 180.000.000 đồng, với lãi suất từ 182,5%/năm đến 405,56%/năm. Đến ngày 21/12/2022, tổng số tiền chị Thảo đã trả là 203.400.000 đồng, gồm: số tiền gốc đã trả là 169.500.000 đồng, số tiền lãi là 33.900.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 31.752.055 đồng, tiền gốc còn nợ là 10.500.000 đồng.

7. Ngày 12/6/2022, anh Trần Ngọc T2 vay bất hộ 10.000.000 đồng trong 40 ngày, mỗi ngày trả gốc và lãi là 300.000 đồng, tương đương lãi suất 182,5%/năm. Anh T2 đã đảo bất hộ này 06 lần. Ngày 30/9/2022, anh T2 đảo hạn vay bất hộ mới 15.000.000 đồng trong 40 ngày, mỗi ngày trả gốc và lãi là 450.000 đồng, tương đương lãi suất 182,5%. Anh T2 đã đảo bất hộ này 04 lần. Lần cuối cùng vay vào ngày 03/12/2022. Anh T2 đã trả 19 ngày. Như vậy, tổng số tiền anh T2 đã vay là 120.000.000 đồng, với lãi suất từ 182,5%/năm đến 521,43%/năm. Đến ngày 21/12/2022, tổng số tiền anh T2 đã trả là 134.550.000 đồng, gồm: số tiền gốc đã trả là 112.125.000 đồng, số tiền lãi là 22.425.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 21.082.534 đồng, tiền gốc còn nợ là 7.875.000 đồng.

8. Ngày 13/6/2022, chị Đặng Thị D1 vay bất hộ 20.000.000 đồng trong 40 ngày, mỗi ngày trả gốc và lãi là 600.000 đồng, tương đương lãi suất 182,5%/năm. Chị D1 đã đảo bất hộ này 02 lần. Ngày 18/8/2022, chị D1 đã đảo hạn bất hộ này, vay bất hộ mới 30.000.000 đồng trong 40 ngày, mỗi ngày trả gốc và lãi là 900.000 đồng, tương đương lãi suất 182,5%/năm. Chị D1 đảo bất hộ này 05 lần. Lần cuối cùng vay vào ngày 14/12/2022. Chị D1 đã trả 7 ngày. Như vậy, tổng số tiền chị D1 đã vay là 190.000.000 đồng, với lãi suất từ 182,5%/năm đến 260,71%/năm. Đến ngày 21/12/2022, tổng số tiền chị D1 đã trả là 198.300.000 đồng, gồm: số tiền gốc đã trả là 165.250.000 đồng, số tiền lãi là 33.050.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 30.184.247 đồng, tiền gốc còn nợ là 24.750.000 đồng.

9. Ngày 04/9/2022, chị Nguyễn Thị N vay bất hộ 30.000.000 đồng trong 48 ngày, mỗi ngày trả gốc và lãi là 750.000 đồng, tương đương lãi suất 152,08%/năm. Chị N đã đảo bất hộ này 04 lần và lần cuối cùng vay vào ngày 15/12/2022, chị N đã trả 06 ngày. Như vậy, tổng số tiền chị N đã vay 04 lần liên tiếp là 120.000.000 đồng, với lãi suất từ 152,08%/năm đến 243,33%/năm. Đến ngày 21/12/2022, tổng số tiền chị N đã trả là 112.500.000 đồng, gồm: số tiền gốc đã trả là 93.750.000 đồng, số tiền lãi là 18.750.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 16.941.781 đồng, tiền gốc còn nợ là 26.250.000 đồng.

10. Ngày 25/7/2022, chị Nguyễn Thị H1 vay bất hộ 20.000.000 đồng trong 48 ngày, mỗi ngày trả gốc và lãi là 500.000 đồng, tương đương lãi suất 152,08%/năm. Chị H1 đã đảo bất hộ này 05 lần và lần cuối cùng vay vào ngày

21/11/2022, chị H1 đã trả 30 ngày. Như vậy, tổng số tiền chị H1 đã vay 05 lần liên tiếp là 100.000.000 đồng, với lãi suất từ 152,08%/năm đến 304,17%/năm. Đến ngày 21/12/2022, tổng số tiền chị H1 đã trả là 111.000.000 đồng, gồm số tiền gốc đã trả là 92.500.000 đồng, số tiền lãi là 18.500.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 16.823.288 đồng, tiền gốc còn nợ là 7.500.000 đồng.

Qua điều tra xác định: trong quá trình làm thuê cho B:

- Phạm Trung Đ đã đến nhà anh Trần Trung N xác minh nơi ở, thu giữ 01 căn cước công dân của anh N để đảm bảo khoản vay; quản lý, đơn đốc, thu gốc và lãi khoản vay của 04 khách là: Chị Phạm Thị Phương T từ ngày 12/11/2022, chị Nguyễn Thanh H từ ngày 01/12/2022, anh Trần Trung N từ ngày 6/12/2022, anh Trần Ngọc T2 từ ngày 17/12/2022. Đ đã giúp sức cho K, B thu lợi bất chính tổng số tiền 16.334.817 đồng (5.450.685 đồng + 10.091.324 đồng + 458.904 đồng + 333.904 đồng).

- Nguyễn Xuân T3 đến xác minh nơi ở, giữ giấy khai sinh của con chị Lê Thị Mỹ D để đảm bảo khoản vay và ngày 20/12/2022 đã chuyển khoản 10.000.000 cho anh Lê Hồng L vay; quản lý, đơn đốc, thu gốc và lãi khoản vay của 02 khách là: Lê Thị Mỹ D từ ngày 20/8/2022, Nguyễn Thị H từ ngày 30/8/2022. T3 đã giúp sức cho K, B thu lợi bất chính tổng số tiền 19.699.316 đồng (6.470.549 đồng + 13.228.767 đồng + 144.749 đồng).

- Vũ Đức N1 liên lạc với chị Phạm Thị Phương T, đến nhà và chỗ làm của chị Thảo xác minh, giữ 01 căn cước công dân của chị Thảo để đảm bảo khoản vay; quản lý, đơn đốc, thu gốc và lãi khoản vay của 03 khách là: Phạm Thị Phương T từ ngày 16/11/2022, Lê Hồng L từ ngày 01/12/2022, Trần Ngọc T2 từ ngày 03/12/2022. N1 đã giúp sức cho K, B thu lợi bất chính tổng số tiền 11.027.969 đồng (2.052.740 đồng + 7.706.393 đồng + 1.268.836 đồng).

Đối với các giấy tờ cá nhân của người vay tiền, các đối tượng đã trả lại cho người vay.

Vật chứng của vụ án:

- 01 điện thoại di động Iphone Promax màu xanh lá cây là của chị Bùi Thị Thu. Điện thoại này không liên quan đến hành vi phạm tội. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả cho chủ sở hữu là chị Bùi Thị Thu;

- 01 đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô và 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô đều mang BKS: 89C -121.14 mang tên Vũ Gia Phú; số tiền 105.000.000 đồng của anh Vũ Gia Phú (sinh năm 1988; nơi cư trú: Xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên), Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại tài sản trên cho anh Vũ Gia Phú;

- 01 đăng ký xe mô tô BKS: 15B2-677.28 mang tên Đỗ Quốc Cường (sinh năm 1995; nơi cư trú: Số 29/174/292 đường Lạch Tray, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng). Cơ quan điều tra đã trả lại đăng ký xe mô tô trên cho anh Đỗ Quốc Cường.

- Đối với điện thoại Iphone 11 Promax màu xanh Imei số 353894106926198 (niêm phong mẫu A1) thu giữ của Nguyễn Xuân T3: Trong quá trình điều tra, trích xuất dữ liệu trong máy điện thoại của Nguyễn Xuân T3 phát hiện việc T3 có hành vi mua số lô đề của đối tượng sử dụng tài khoản Zalo “Phạm Thanh”. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Ngô Quyền đã ra quyết định tách hành vi và tách vật chứng trên để tiếp tục điều tra xử lý về hành vi Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự dưới hình thức mua số lô đề của Nguyễn Xuân T3.

- 02 đĩa CD kèm theo hồ sơ vụ án là tài liệu kèm theo Kết luận giám định và sao kê dữ liệu ngân hàng Vietcombank tài khoản số 0031000354790 mang tên Bùi Thị Thu.

- Chuyên Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền quản lý các vật chứng còn lại gồm: 01 case máy tính nhãn hiệu XTECH màu đen; 01 màn hình máy tính nhãn hiệu Samsung; 01 túi giấy niêm phong số 2113571 của phòng PC09/CATP Hải Phòng chứa 05 điện thoại và 01 máy tính bảng của các đối tượng gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus (niêm phong mẫu A2) thu của Phạm Trung Đ; 01 điện thoại Iphone 13 Pro màu vàng, imei số 359663605858101 (niêm phong mẫu A5); 01 điện thoại Iphone 11 Pro màu trắng, imei số 353232107384655 (niêm phong mẫu A3) thu của Đỗ Đình K; 01 điện thoại di động Iphone X màu trắng Imei số 356738086167355 (niêm phong mẫu A4) thu của Đỗ Thanh B; 01 điện thoại Iphone X màu trắng imei số 354872096039494 (niêm phong mẫu A6) thu của Nguyễn Xuân T3; 01 máy tính bảng Galaxy Tab A7 Lite màu xám, nhãn hiệu Samsung đã qua sử dụng (niêm phong mẫu A7) thu của Vũ Đ N1 và số tiền 200.000 đồng.

Tại Bản Cáo trạng số 83/CT-VKSNQ ngày 27/5/2023 và Thông báo đính chính số 01/TB-VKSNQ ngày 17/7/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng đã truy tố các bị cáo Đỗ Đình K, Đỗ Thanh B về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi đã thực hiện phù hợp với nội D bản cáo trạng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên tại phiên tòa, giữ N quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 (khoản 2 đối với bị cáo Đỗ Đình K) Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo

Đỗ Đình K với mức phạt tiền từ 250.000.000 đồng đến 280.000.000 đồng, bị cáo Đỗ Thanh B với mức phạt tiền từ 220.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Do các bị cáo bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 case máy tính nhãn hiệu XTECH màu đen, 01 màn hình máy tính nhãn hiệu Samsung, 01 túi giấy niêm phong số 2113571 của phòng PC09/CATP Hải Phòng chứa 05 điện thoại và 01 máy tính bảng của các đối tượng gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus (niêm phong mẫu A2) thu của Phạm Trung Đ; 01 điện thoại Iphone 13 Pro màu vàng, imei số 359663605858101 (niêm phong mẫu A5); 01 điện thoại Iphone 11 Pro màu trắng, imei số 353232107384655 (niêm phong mẫu A3) thu của Đỗ Đình K; 01 điện thoại di động Iphone X màu trắng Imei số 356738086167355 (niêm phong mẫu A4) thu của Đỗ Thanh B; 01 điện thoại Iphone X màu trắng imei số 354872096039494 (niêm phong mẫu A6) thu của Nguyễn Xuân T3; 01 máy tính bảng Galaxy Tab A7 Lite màu xám, nhãn hiệu Samsung đã qua sử dụng (niêm phong mẫu A7) thu của Vũ Đ N1 và số tiền 200.000 đồng.

Bị cáo Đỗ Đình K phải nộp lại toàn bộ số tiền gốc người vay đã trả là 1.026.791.666 đồng và số tiền lãi đã thu của những người vay theo quy định của Bộ luật Dân sự là 14.665.753 đồng để nộp Ngân sách Nhà nước. Tổng cộng là 1.041.457.419 đồng. Bị cáo đã nộp số tiền 600.000.000 đồng và bị tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 200.000 đồng nên còn phải nộp số tiền còn lại là 441.257.419 đồng.

Buộc bị cáo Đỗ Đình K phải trả lại số tiền thu lời bất chính cho chị Phạm Thị Phương T 2.052.740 đồng, anh Lê Hồng L 35.821.461 đồng, chị Nguyễn Thanh H 29.105.023 đồng, anh Trần Trung N 458.904 đồng, chị Lê Thị Mỹ D 6.470.548 đồng, chị Trần Thị Phương T1 31.752.055 đồng, anh Trần Ngọc T2 21.082.534 đồng, chị Đặng Thị D1 30.184.247 đồng, chị Nguyễn Thị N 16.941.781 đồng và chị Nguyễn Thị H1 16.823.288 đồng. Tổng cộng là 190.692.581 đồng.

Những người vay phải nộp lại sung quỹ Nhà nước số tiền nợ gốc chưa trả gồm: Chị Phạm Thị Phương T 8.750.000 đồng, anh Lê Hồng L 39.166.667 đồng, chị Nguyễn Thanh H 46.666.667 đồng, anh Trần Trung N 2.500.000 đồng, chị Lê Thị Mỹ D 4.250.000 đồng, chị Trần Thị Phương T1 10.500.000 đồng, anh Trần Ngọc T2 7.875.000 đồng, chị Đặng Thị D1 24.750.000 đồng, chị Nguyễn Thị N 26.250.000 đồng, chị Nguyễn Thị H1 7.500.000 đồng.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Đỗ Đình K phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 9.534.630 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về tội danh:

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, nội D bản cáo trạng và các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2022 đến ngày 21/12/2022, Đỗ Đình K, Đỗ Thanh B đã thực hiện hành vi cho 10 người vay với tổng số tiền tiền cho vay là 1.205.000.000 đồng dưới hình thức cho vay lãi nặng (họ góp và cho vay lãi trả theo tháng) với mức lãi suất từ 152,08%/năm đến 521,43%/năm, gấp 7,6 đến 26,07 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự (20%/năm), thu lợi bất chính tổng số tiền là 190.692.581 đồng. Như vậy, hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết định khung hình phạt:

[3] Tổng số tiền các bị cáo Đỗ Đình K, Đỗ Thanh B thu lợi bất chính là 190.692.581 đồng nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự với tình tiết định khung tăng nặng “Phạm tội thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

[4] Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có cơ sở và đúng với quy định của pháp luật.

- Về vai trò trong đồng phạm:

[5] Bị cáo Đỗ Đình K là người cung cấp vốn, chỉ đạo, điều hành toàn bộ việc cho vay, mua phần mềm quản lý thông tin khách vay, trực tiếp làm việc, tư vấn, lấy thông tin cá nhân, chỉ đạo người đi kiểm tra thông tin khách vay trước khi cho vay. Như vậy, bị cáo K có vai trò chính trong đồng phạm nên phải chịu trách nhiệm cao nhất. Bị cáo Đỗ Thanh B là người giúp sức tích cực cho bị cáo K, trực tiếp thực hiện các công việc K thuê làm là quản lý khách, thu tiền họ góp, làm vay các bát họ mới, đảo hạn bát họ cho khách. Ngoài ra, B thuê thêm Phạm Trung Đ, Nguyễn Xuân T3, Vũ Đ N1 thực hiện kiểm tra thông tin người vay, đôn đốc trả nợ, thu tiền của khách. Toàn bộ số tiền thu được B đều chuyển lại cho K. Như vậy, B có vai trò thấp hơn trong đồng phạm.

- Về nhân thân của các bị cáo:

[6] Các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[7] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[8] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều khai báo thành khẩn, phạm tội lần đầu và thuộc T3 hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đỗ Đình K đã tự nguyện nộp lại số tiền 600.000.000 đồng là tiền gốc bị cáo cho vay nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước về hoạt động tín dụng, trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; xâm phạm đến lợi ích tài chính của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc để giáo dục các bị cáo và đảm bảo phòng ngừa chung. Tại phiên tòa, các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo hưởng hình phạt chính là phạt tiền và cam kết có đủ điều kiện để thi hành hình phạt phạt tiền. Căn cứ vào nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt phạt tiền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật Hình sự cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo, đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung:

[10] Các bị cáo bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 32; khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

- Về việc xử lý vật chứng:

[11] Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 case máy tính nhãn hiệu XTECH màu đen, 01 màn hình máy tính nhãn hiệu Samsung, 01 túi giấy niêm phong số 2113571 của phòng PC09/CATP Hải Phòng chứa 05 điện thoại và 01 máy tính bảng gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus; 01 điện thoại Iphone 13 Pro màu vàng, imei số 359663605858101; 01 điện thoại Iphone 11 Pro màu trắng, imei số 353232107384655; 01 điện thoại di động Iphone X màu trắng Imei số 356738086167355; 01 điện thoại Iphone X màu trắng imei số 354872096039494; 01 máy tính bảng Galaxy Tab A7 Lite màu xám, nhãn hiệu Samsung đã qua sử dụng là các phương tiện sử dụng vào mục đích phạm tội và số tiền 200.000 đồng là tiền thu lãi.

[12] Buộc Bị cáo Đỗ Đình K phải nộp lại toàn bộ số tiền gốc người vay đã trả là 1.026.791.666 đồng và số tiền lãi đã thu của những người vay theo quy định của Bộ luật Dân sự là 14.665.753 đồng để nộp Ngân sách Nhà nước. Tổng cộng là 1.041.457.419 đồng. Bị cáo đã nộp số tiền 600.000.000 đồng và bị tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 200.000 đồng nên còn phải nộp số tiền còn lại là 441.257.419 đồng.

[13] Buộc bị cáo Đỗ Đình K phải trả lại cho những người vay số tiền thu lời bất chính tổng cộng là 190.692.581 đồng, cụ thể: Chị Phạm Thị Phương T 2.052.740 đồng, anh Lê Hồng L 35.821.461 đồng, chị Nguyễn Thanh H 29.105.023 đồng, anh Trần Trung N 458.904 đồng, chị Lê Thị Mỹ D 6.470.548 đồng, chị Trần Thị Phương T1 31.752.055 đồng, anh Trần Ngọc T2 21.082.534 đồng, chị Đặng Thị D1 30.184.247 đồng, chị Nguyễn Thị N 16.941.781 đồng và chị Nguyễn Thị H1 16.823.288 đồng,.

[14] Những người vay phải nộp lại sung quỹ Nhà nước số tiền nợ gốc chưa trả tổng cộng là 178.208.334 đồng, cụ thể: Chị Phạm Thị Phương T 8.750.000 đồng, anh Lê Hồng L 39.166.667 đồng, chị Nguyễn Thanh H 46.666.667 đồng, anh Trần Trung N 2.500.000 đồng, chị Lê Thị Mỹ D 4.250.000 đồng, chị Trần Thị Phương T1 10.500.000 đồng, anh Trần Ngọc T2 7.875.000 đồng, chị Đặng Thị D1 24.750.000 đồng, chị Nguyễn Thị N 26.250.000 đồng, chị Nguyễn Thị H1 7.500.000 đồng.

- Về án phí:

[15] Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Đỗ Đình K phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là $190.692.581 \text{ đồng} \times 5\% = 9.534.630 \text{ đồng}$ (làm tròn).

- Về quyền kháng cáo đối với bản án:

[16] Các bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[17] Đối với những người còn lại vay tiền của Đỗ Đình K, Đỗ Thanh B, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh và đăng thông báo đề nghị người có liên quan đến Cơ quan Công an để giải quyết nhưng đến nay chưa có kết quả nên chưa xác định được nhân thân lai lịch do đó chưa có căn cứ để xử lý.

[18] Bùi Thị Thu không biết việc K sử dụng tài khoản ngân hàng mang tên Thu để thực hiện hành vi phạm tội nên không có căn cứ xử lý.

[19] Nguyễn Xuân T3, Phạm Trung Đ, Vũ Đ N1 có hành vi giúp sức cho B, K thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, tuy nhiên chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Phạm Trung Đ, Nguyễn Xuân T3, Vũ Đ N1.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 (khoản 2 đối với bị cáo Đỗ Đình K) Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Đỗ Đình K số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự để nộp ngân sách Nhà nước.

Đỗ Thanh B số tiền 220.000.000 (hai trăm hai mươi triệu) đồng về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự để nộp ngân sách Nhà nước.

- Về việc xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 case máy tính nhãn hiệu XTECH màu đen, 01 màn hình máy tính nhãn hiệu Samsung, 01 túi giấy niêm phong số 2113571 của phòng PC09/CATP Hải Phòng chứa 05 điện thoại và 01 máy tính bảng gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus; 01 điện thoại Iphone 13 Pro màu vàng, imei số 359663605858101; 01 điện thoại Iphone 11 Pro màu trắng, imei số 353232107384655; 01 điện thoại di động Iphone X màu trắng Imei số 356738086167355; 01 điện thoại Iphone X màu trắng imei số 354872096039494; 01 máy tính bảng Galaxy Tab A7 Lite màu xám, nhãn hiệu Samsung đã qua sử dụng và số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 30/5/2023 và Biên lai thu tiền số 0006981 ngày 07/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng bị cáo Đỗ Đình K đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002542 ngày 21/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Bị cáo Đỗ Đình K phải nộp lại số tiền 441.257.419 (bốn trăm bốn mươi một triệu, hai trăm năm mươi bảy nghìn, bốn trăm mười chín) đồng sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo Đỗ Đình K phải trả lại cho chị Phạm Thị Phương T 2.052.740 (hai triệu, không trăm năm mươi hai nghìn, bảy trăm bốn mươi) đồng, anh Lê Hồng L 35.821.461 (ba mươi lăm triệu, tám trăm hai mươi một nghìn, bốn trăm sáu mươi một) đồng, chị Nguyễn Thanh H 29.105.023 (hai mươi chín triệu, một trăm linh năm nghìn, không trăm hai mươi ba) đồng, anh Trần Trung N 458.904 (bốn trăm năm mươi tám nghìn, chín trăm linh bốn) đồng, chị Lê Thị Mỹ D 6.470.548 (sáu triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn, năm trăm bốn mươi tám) đồng, chị Trần Thị Phương T1 31.752.055 (ba mươi một triệu, bảy trăm năm mươi hai nghìn, không trăm năm mươi lăm) đồng, anh Trần Ngọc T2 21.082.534 (hai mươi một triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, năm trăm ba mươi tư) đồng, chị Đặng Thị D1 30.184.247 (ba mươi triệu, một trăm tám mươi tư nghìn, hai trăm bốn mươi bảy) đồng, chị Nguyễn Thị N 16.941.781 (mười sáu triệu, chín trăm bốn mươi một nghìn, bảy trăm tám mươi một) đồng và chị Nguyễn Thị H1 16.823.288 (mười sáu triệu, tám trăm hai mươi ba nghìn, hai trăm tám mươi tám) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người vay) cho đến khi thi hành án xong, bị cáo Đỗ Đình K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Những người vay phải nộp lại số tiền để sung quỹ Nhà nước là: Chị Phạm Thị Phương T 8.750.000 (tám triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng, anh Lê Hồng L 39.166.667 (ba mươi chín triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy) đồng, chị Nguyễn Thanh H 46.666.667 (bốn mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy) đồng, anh Trần Trung N 2.500.000 (hai triệu, năm trăm nghìn) đồng, chị Lê Thị Mỹ D 4.250.000 (bốn triệu, hai trăm năm mươi nghìn) đồng, chị Trần Thị Phương T1 10.500.000 (mười triệu, năm trăm nghìn) đồng, anh Trần Ngọc T2 7.875.000 (bảy triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng, chị Đặng Thị D1 24.750.000 (hai mươi tư triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng, chị Nguyễn Thị N 26.250.000 (hai mươi sáu triệu, hai trăm năm mươi nghìn) đồng, chị Nguyễn Thị H1 7.500.000 (bảy triệu, năm trăm nghìn) đồng.

- Về án phí: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Đỗ Đình K, Đỗ Thanh B, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Đỗ Đình K phải nộp 9.534.630 (chín triệu, năm trăm ba mươi tư nghìn, sáu trăm ba mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

T3 hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Ngô Quyền;
- Cơ quan điều tra Công an quận Ngô Quyền;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng;
- PV 06 Công an thành phố Hải Phòng;
- Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Hảo